

# BÁO CÁO TỔNG HỢP THÔNG TIN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH EVFTA

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS – BP PHÂN TÍCH NGÀNH

CTCP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

## MỤC LỤC

I. Giới thiệu chung về Hiệp định EVFTA và IPA .....	1
II. Những mốc thời gian chính.....	1
III. Một số nội dung chính của Hiệp định EVFTA và IPA .....	3
IV. Cam kết chính của Hiệp định:.....	8
1. Cắt giảm thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu .....	8
2. Hạn ngạch thuế quan .....	9
3. Quy tắc xuất xứ .....	10
4. Dịch vụ - Đầu tư .....	11
5. Mua sắm của Chính phủ.....	13
6. Sở hữu trí tuệ.....	15
7. Thương mại và Phát triển bền vững.....	17
8. Hiệp định IPA .....	18
V. Quan hệ song phương Việt Nam - EU.....	19
VI. Tác động của Hiệp định EVFTA và IPA đối với nền kinh tế Việt Nam.....	25
VII. Những ngành nghề được hưởng lợi từ Hiệp định .....	29
VII. Tổng hợp các doanh nghiệp đầu ngành của các ngành được hưởng lợi nhiều nhất từ Hiệp định EVFTA và IPA .....	31
VIII. Kết luận .....	33

## TỔNG QUAN BÁO CÁO

Hiệp định EVFTA và IPA được khởi động và kết thúc đàm phán trong bối cảnh quan hệ song phương Việt Nam-EU ngày càng phát triển tốt đẹp, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế-thương mại. EU hiện đang là một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam với kim ngạch hai chiều năm 2019 đạt 56,45 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 41,5 tỷ USD, nhập khẩu từ EU đạt 14,9 tỷ USD. EVFTA là một Hiệp định toàn diện, chất lượng cao và đảm bảo cân bằng lợi ích cho cả Việt Nam và EU, trong đó cũng đã lưu ý đến chênh lệch về trình độ phát triển giữa hai bên.

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) là một FTA thế hệ mới giữa Việt Nam và 28 nước thành viên EU. EVFTA được phê chuẩn bởi Nghị viện châu Âu vào ngày 12/2/2020, và được Quốc hội Việt Nam phê chuẩn vào ngày 8/6/2020. Đối với EVFTA, sau khi được phê chuẩn, Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1/8/2020.

Với những nội dung cam kết toàn diện và ở mức cao nhất trong số các FTA trước đây của Việt Nam, EVFTA được kỳ vọng sẽ có những tác động sâu rộng đến nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới. Theo đó, EVFTA góp phần đưa Việt Nam trở thành một “mắt xích” quan trọng trong mạng lưới liên kết với các nền kinh tế hàng đầu trên thế giới; tạo thuận lợi cho hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Các cam kết của Việt Nam và EU trong một số lĩnh vực chính của Hiệp định EVFTA và IPA như sau:

- Cắt giảm thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu
- Hạn ngạch thuế quan
- Quy tắc xuất xứ
- Dịch vụ – Đầu tư
- Mua sắm của Chính phủ
- Sở hữu trí tuệ
- Thương mại và Phát triển bền vững
- Hiệp định IPA

Khi Hiệp định EVFTA và IPA có hiệu lực, ngành thủy sản, ngành dệt may, ngành da giày là những ngành được hưởng lợi nhiều nhất từ hai Hiệp định này.

Như vậy, Hiệp định EVFTA và IPA khi được thực thi sẽ mang lại rất nhiều tác động tích cực đến nền kinh tế Việt Nam, đồng thời thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và EU. Việt Nam nói chung và các ngành nghề kinh tế nói riêng, đặc biệt là những ngành nghề được hưởng lợi nhiều nhất từ Hiệp định EVFTA và IPA cần kịp thời nắm bắt các cơ hội mà hai Hiệp định này mang lại nhằm thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

## BÁO CÁO TỔNG HỢP THÔNG TIN VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU

(6/2020)

### I. Giới thiệu chung về Hiệp định EVFTA và IPA

Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA, viết tắt từ tiếng Anh của EU – Vietnam Free Trade Agreement) là một Hiệp ước thương mại giữa Việt Nam và EU. Theo đó, các nước sẽ tiến hành theo lộ trình việc cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan cũng như phi thuế quan nhằm tiến tới việc thành lập một khu vực mậu dịch tự do.

Hiệp định Bảo hộ đầu tư (Hiệp định IPA) bao gồm nội dung bảo hộ đầu tư và giải quyết tranh chấp đầu tư.

Hiệp định EVFTA và IPA được khởi động và kết thúc đàm phán trong bối cảnh quan hệ song phương Việt Nam-EU ngày càng phát triển tốt đẹp, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế-thương mại. EU hiện đang là một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam với kim ngạch hai chiều năm 2019 đạt 56,45 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 41,5 tỷ USD, nhập khẩu từ EU đạt 14,9 tỷ USD. EVFTA là một Hiệp định toàn diện, chất lượng cao và đảm bảo cân bằng lợi ích cho cả Việt Nam và EU, trong đó cũng đã lưu ý đến chênh lệch về trình độ phát triển giữa hai bên.

Nếu được đưa vào thực thi, EVFTA sẽ là cú hích rất lớn cho xuất khẩu của Việt Nam, giúp đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng nông, thủy sản cũng như những mặt hàng Việt Nam vốn có nhiều lợi thế cạnh tranh. Những cam kết dành đối xử công bằng, bình đẳng, bảo hộ an toàn và đầy đủ cho các khoản đầu tư và nhà đầu tư của nhau trong Hiệp định IPA cũng sẽ góp phần tích cực vào việc xây dựng môi trường pháp lý và đầu tư minh bạch, từ đó Việt Nam sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư hơn đến từ EU và các nước khác.

Về mặt chiến lược, việc đàm phán và thực thi các Hiệp định này cũng gửi đi một thông điệp tích cực về quyết tâm của Việt Nam trong việc thúc đẩy sự hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới trong bối cảnh tình hình kinh tế địa chính trị đang có nhiều diễn biến phức tạp và khó đoán định.

### II. Những mốc thời gian chính

- Tháng 10 năm 2010: Thủ tướng Chính phủ Việt Nam và Chủ tịch EU đã đồng ý khởi động đàm phán Hiệp định EVFTA.

- Tháng 6 năm 2012: Bộ trưởng Công Thương Việt Nam và Cao ủy Thương mại EU đã chính thức tuyên bố khởi động đàm phán Hiệp định EVFTA.
- Tháng 12 năm 2015: Kết thúc đàm phán và bắt đầu rà soát pháp lý để chuẩn bị cho việc ký kết Hiệp định.
- Tháng 6 năm 2017: Hoàn thành rà soát pháp lý ở cấp kỹ thuật
- Tháng 9 năm 2017: EU chính thức đề nghị Việt Nam tách riêng nội dung bảo hộ đầu tư và cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước với nhà đầu tư (ISDS) ra khỏi Hiệp định EVFTA thành một hiệp định riêng do phát sinh một số vấn đề mới liên quan đến thẩm quyền phê chuẩn các hiệp định thương mại tự do của EU hay từng nước thành viên. Theo đề xuất này, EVFTA sẽ được tách thành hai hiệp định riêng biệt, bao gồm:
  - *Hiệp định Thương mại tự do* bao gồm toàn bộ nội dung EVFTA hiện nay nhưng phần đầu tư sẽ chỉ bao gồm tự do hóa đầu tư trực tiếp nước ngoài. Với Hiệp định này, EU có quyền phê chuẩn và đưa vào thực thi tạm thời.
  - *Hiệp định Bảo hộ đầu tư (Hiệp định IPA)* bao gồm nội dung bảo hộ đầu tư và giải quyết tranh chấp đầu tư. Hiệp định IPA này phải được sự phê chuẩn của cả Nghị viện Châu Âu và của Nghị viện các nước thành viên thì mới có thể thực thi.
- Tháng 6 năm 2018: Việt Nam và EU đã chính thức thống nhất việc tách riêng EVFTA thành hai hiệp định gồm Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) và Hiệp định Bảo hộ đầu tư (IPA); chính thức kết thúc toàn bộ quá trình rà soát pháp lý Hiệp định EVFTA; và thống nhất toàn bộ các nội dung của Hiệp định IPA.
- Tháng 8 năm 2018: Hoàn tất rà soát pháp lý Hiệp định IPA.
- Ngày 17 tháng 10 năm 2018: Ủy ban châu Âu đã chính thức thông qua EVFTA và IPA.
- Ngày 25 tháng 6 năm 2019: Hội đồng châu Âu đã phê duyệt cho phép ký Hiệp định.
- Ngày 30 tháng 6 năm 2019: Việt Nam và EU chính thức ký kết EVFTA và IPA.
- Ngày 21 tháng 1 năm 2020: Ủy ban Thương mại Quốc tế Liên minh châu Âu thông qua khuyến nghị phê chuẩn EVFTA.
- Ngày 30 tháng 3 năm 2020: Hội đồng châu Âu thông qua Hiệp định EVFTA.

### III. Một số nội dung chính của Hiệp định EVFTA và IPA

EVFTA là một Hiệp định toàn diện, chất lượng cao, cân bằng về lợi ích cho cả Việt Nam và EU, đồng thời phù hợp với các quy định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Hiệp định gồm 17 Chương, 2 Nghị định thư và một số biên bản ghi nhớ kèm theo với các nội dung chính là: thương mại hàng hóa (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), quy tắc xuất xứ, hải quan và thuận lợi hóa thương mại, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm (SPS), các rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại dịch vụ (gồm các quy định chung và cam kết mở cửa thị trường), đầu tư, phòng vệ thương mại, cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, mua sắm của Chính phủ, sở hữu trí tuệ, thương mại và Phát triển bền vững, hợp tác và xây dựng năng lực, các vấn đề pháp lý-thể chế.

#### *Thương mại hàng hóa*

Đối với xuất khẩu của Việt Nam, ngay khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với khoảng 85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Sau 07 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với khoảng 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại, EU cam kết dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

Như vậy, có thể nói gần 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn. Cho đến nay, đây là mức cam kết cao nhất mà một đối tác dành cho ta trong các hiệp định FTA đã được ký kết. Lợi ích này đặc biệt có ý nghĩa khi EU liên tục là một trong hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của ta hiện nay.

Đối với hàng xuất khẩu của EU, Việt Nam cam kết sẽ xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 48,5% số dòng thuế (chiếm 64,5% kim ngạch nhập khẩu). Tiếp đó, sau 7 năm, 91,8% số dòng thuế tương đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu từ EU được Việt Nam xóa bỏ thuế nhập khẩu. Sau 10 năm, mức xóa bỏ thuế quan là khoảng 98,3% số dòng thuế (chiếm 99,8% kim ngạch nhập khẩu). Đối với khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của EU, ta áp dụng lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu dài hơn 10 năm hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan theo cam kết WTO.

Các nội dung khác liên quan tới thương mại hàng hóa: Việt Nam và EU cũng thống nhất các nội dung liên quan tới thủ tục hải quan, SPS, TBT, phòng vệ thương mại, v.v, tạo khuôn khổ pháp lý để hai bên hợp tác, tạo thuận lợi cho xuất khẩu, nhập khẩu của các doanh nghiệp.

## *Thương mại dịch vụ và đầu tư*

Cam kết của Việt Nam và EU về thương mại dịch vụ đầu tư nhằm tạo ra một môi trường đầu tư cởi mở, thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp hai bên. Cam kết của Việt Nam có đi xa hơn cam kết trong WTO. Cam kết của EU cao hơn trong cam kết trong WTO và tương đương với mức cam kết cao nhất của EU trong những Hiệp định FTA gần đây của EU.

Các lĩnh vực mà Việt Nam cam kết thuận lợi cho các nhà đầu tư EU gồm một số dịch vụ chuyên môn, dịch vụ tài chính, dịch vụ viễn thông, dịch vụ vận tải, dịch vụ phân phối. Hai bên cũng đưa ra cam kết về đối xử quốc gia trong lĩnh vực đầu tư, đồng thời thảo luận về nội dung giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước.

Một số nét chính trong các cam kết một số ngành dịch vụ như sau:

- Dịch vụ ngân hàng: Trong vòng 05 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam cam kết sẽ xem xét thuận lợi việc cho phép các tổ chức tín dụng EU nâng mức nắm giữ của phía nước ngoài lên 49% vốn điều lệ trong 02 ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam. Tuy nhiên, cam kết này không áp dụng với 04 ngân hàng thương mại cổ phần mà nhà nước đang nắm cổ phần chi phối là BIDV, Vietinbank, Vietcombank và Agribank.
- Dịch vụ bảo hiểm: Việt Nam cam kết cho phép nhượng tái bảo hiểm qua biên giới, cam kết dịch vụ bảo hiểm y tế tự nguyện theo luật Việt Nam. Riêng đối với yêu cầu cho phép thành lập chi nhánh công ty tái bảo hiểm, ta chỉ cho phép sau một giai đoạn quá độ.
- Dịch vụ viễn thông: Ta chấp nhận mức cam kết tương đương trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Đặc biệt đối với dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng, ta cho phép EU được lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài sau một giai đoạn quá độ.
- Dịch vụ phân phối: Ta đồng ý bỏ yêu cầu kiểm tra nhu cầu kinh tế sau 05 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, tuy nhiên ta bảo lưu quyền thực hiện quy hoạch hệ thống phân phối trên cơ sở không phân biệt đối xử. Ta cũng đồng ý không phân biệt đối xử trong sản xuất, nhập khẩu và phân phối rượu, cho phép các doanh nghiệp EU được bảo lưu điều kiện hoạt động theo các giấy phép hiện hành và chỉ cần một giấy phép để thực hiện các hoạt động nhập khẩu, phân phối, bán buôn và bán lẻ.

## *Mua sắm của Chính phủ*

Việt Nam và EU thống nhất các nội dung tương đương với Hiệp định mua sắm của Chính phủ (GPA) của WTO. Với một số nghĩa vụ như đấu thầu qua mạng, thiết lập cổng thông tin điện tử để đăng tải thông tin đấu thầu, v.v, Việt Nam có lộ trình để thực hiện. EU cũng cam kết dành hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam để thực thi các nghĩa vụ này.

Về diện cam kết, ta cam kết mở cửa mua sắm của các Bộ, ngành trung ương, một số đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng (đối với các hàng hóa và dịch vụ mua sắm thông thường không phục vụ mục tiêu an ninh – quốc phòng), thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng công ty đường sắt Việt Nam, 34 bệnh viện thuộc Bộ Y tế, Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và một số Viện thuộc trung ương. Về ngưỡng mở cửa thị trường, ta có lộ trình 15 năm để mở cửa dần các hoạt động mua sắm.

Việt Nam bảo lưu có thời hạn quyền dành riêng một tỷ lệ nhất định giá trị các gói thầu cho nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ và lao động trong nước trong vòng 18 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Đối với dược phẩm, Việt Nam cam kết cho phép các doanh nghiệp EU được tham gia đấu thầu mua sắm dược phẩm của Bộ Y tế và bệnh viện công trực thuộc Bộ Y tế với một số điều kiện và lộ trình nhất định.

## *Sở hữu trí tuệ*

Cam kết về sở hữu trí tuệ gồm cam kết về bản quyền, phát minh, sáng chế, cam kết liên quan tới dược phẩm và chỉ dẫn địa lý, v.v. Về cơ bản, các cam kết về sở hữu trí tuệ của Việt Nam là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Một số nét chính trong các cam kết sở hữu trí tuệ như sau:

- Về chỉ dẫn địa lý, khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam sẽ bảo hộ trên 160 chỉ dẫn địa lý của EU (bao gồm 28 thành viên) và EU sẽ bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đều liên quan tới nông sản, thực phẩm, tạo điều kiện cho một số chủng loại nông sản của Việt Nam xây dựng và khẳng định thương hiệu của mình tại thị trường EU.
- Về nhãn hiệu: Hai bên cam kết áp dụng thủ tục đăng ký thuận lợi, minh bạch, bao gồm việc phải có cơ sở dữ liệu điện tử về đơn nhãn hiệu đã được công bố và nhãn hiệu đã được đăng ký để công chúng tiếp cận, đồng thời cho phép chấm dứt hiệu lực nhãn hiệu đã đăng ký nhưng không sử dụng một cách thực sự trong vòng 5 năm.



- Về thực thi: Hiệp định có quy định về biện pháp kiểm soát tại biên giới đối với hàng xuất khẩu nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.
- Cam kết về đối xử tối huệ quốc (MFN): Cam kết về nguyên tắc tối huệ quốc trong Hiệp định này đảm bảo dành cho các tổ chức, cá nhân của EU được hưởng những lợi ích về tiêu chuẩn bảo hộ cao không chỉ với các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ theo Hiệp định của WTO về Các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPs) mà còn cả các đối tượng khác của quyền sở hữu trí tuệ trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia (như Hiệp định CPTPP).

## ***Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)***

Quy định về DNNN trong Hiệp định EVFTA nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Cam kết cũng tính đến vai trò quan trọng của các DNNN trong việc thực hiện các mục tiêu chính sách công, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an ninh – quốc phòng. Bởi vậy, Hiệp định EVFTA chỉ điều chỉnh hoạt động thương mại của các doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu hoặc kiểm soát và doanh nghiệp độc quyền có quy mô hoạt động thương mại đủ lớn đến mức có ý nghĩa trong cạnh tranh.

Các nghĩa vụ chính của Chương DNNN là: (i) hoạt động theo cơ chế thị trường, nghĩa là doanh nghiệp có quyền tự quyết định trong hoạt động kinh doanh và không có sự can thiệp hành chính của Nhà nước, ngoại trừ trường hợp thực hiện mục tiêu chính sách công; (ii) không có sự phân biệt đối xử trong mua bán hàng hóa, dịch vụ đối với những ngành, lĩnh vực đã mở cửa; (iii) minh bạch hóa các thông tin cơ bản của doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

## ***Thương mại điện tử***

Để phát triển thương mại điện tử giữa Việt Nam và EU, hai bên cam kết không đánh thuế nhập khẩu đối với giao dịch điện tử. Hai bên cũng cam kết hợp tác thông qua việc duy trì đối thoại về các vấn đề quản lý được đặt ra trong thương mại điện tử, bao gồm:

- Trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ trung gian trong việc truyền dẫn hay lưu trữ thông tin;
- Ứng xử với các hình thức liên lạc điện tử trong thương mại không được sự cho phép của người nhận (như thư điện tử chào hàng, quảng cáo...);
- Bảo vệ người tiêu dùng khi tham gia giao dịch điện tử.

Hai bên cũng sẽ hợp tác trao đổi thông tin về quy định pháp luật trong nước và các vấn đề thực thi liên quan.

## ***Minh bạch hóa***

Xuất phát từ thực tiễn môi trường pháp lý trong nước có ảnh hưởng lớn đến thương mại, Hiệp định EVFTA dành một chương riêng về minh bạch hóa với các yêu cầu chung nhất để đảm bảo một môi trường pháp lý hiệu quả và có thể dự đoán được cho các chủ thể kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ.

## ***Thương mại và phát triển bền vững***

Hai bên khẳng định cam kết theo đuổi phát triển bền vững, bao gồm phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Về vấn đề lao động, với tư cách là thành viên của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), hai bên cam kết tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện Tuyên bố 1998 của ILO về những nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động, bao gồm việc thúc đẩy phê chuẩn và thực thi có hiệu quả các Công ước cơ bản của ILO. Ngoài ra, hai bên cũng nhất trí tăng cường hợp tác thông qua cơ chế chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về thúc đẩy việc phê chuẩn và thực thi các công ước về lao động và môi trường trong một số lĩnh vực như biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, quản lý rừng bền vững và thương mại lâm sản...

## ***Các nội dung khác của Hiệp định EVFTA***

Hiệp định EVFTA cũng bao gồm các Chương liên quan tới hợp tác và xây dựng năng lực, pháp lý - thể chế, chính sách cạnh tranh và trợ cấp. Các nội dung này phù hợp với hệ thống pháp luật của Việt Nam, tạo khuôn khổ pháp lý để hai bên tăng cường hợp tác, thúc đẩy sự phát triển của thương mại và đầu tư giữa hai Bên.

## ***Hiệp định IPA***

Hai bên cam kết sẽ dành đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc với đầu tư của nhà đầu tư của Bên kia, với một số ngoại lệ, cũng như sự đối xử công bằng, thỏa đáng, bảo hộ an toàn và đầy đủ, cho phép tự do chuyển vốn và lợi nhuận từ đầu tư ra nước ngoài, cam kết không trưng thu, quốc hữu hóa tài sản của nhà đầu tư mà không có bồi thường thỏa đáng, cam kết bồi thường thiệt hại phù hợp cho nhà đầu tư của bên kia tương tự như nhà đầu tư trong nước hoặc của bên thứ ba trong trường hợp bị thiệt hại do chiến tranh, bạo loạn, v.v...

Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh giữa một Bên và nhà đầu tư của Bên kia, hai bên thống nhất ưu tiên giải quyết tranh chấp một cách thiện chí thông qua đàm phán và hòa giải. Trong trường

hợp không thể giải quyết tranh chấp thông quan tham vấn và hòa giải thì mới sử dụng đến cơ chế giải quyết tranh chấp được quy định cụ thể trong Hiệp định này.

## IV. Cam kết chính của Hiệp định:

Các cam kết của Việt Nam và EU trong một số lĩnh vực chính của Hiệp định EVFTA và IPA như sau:

### 1. Cắt giảm thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu

#### Thuế nhập khẩu

Việt Nam và EU đều áp dụng một biểu thuế nhập khẩu chung cho hàng hóa có xuất xứ của bên còn lại khi nhập khẩu vào lãnh thổ của nhau. Về cơ bản, cắt giảm thuế nhập khẩu theo Hiệp định EVFTA được chia thành các nhóm sau: Nhóm xóa bỏ thuế nhập khẩu ngay, Nhóm xóa bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình, Nhóm áp dụng hạn ngạch thuế quan, Nhóm hàng hóa không cam kết.

#### *Cam kết thuế nhập khẩu của EU*

Theo cam kết, ngay khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU.

Tiếp đó sau 07 năm, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của ta.

Đối với 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại của Việt Nam, EU dành cho ta hạn ngạch thuế quan (TRQ) với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

Như vậy, có thể nói 100% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu sau một lộ trình ngắn. Cho đến nay, đây là mức cam kết cao nhất mà một đối tác dành cho ta trong các hiệp định FTA đã được ký kết. Lợi ích này đặc biệt có ý nghĩa khi EU liên tục là một trong hai thị trường xuất khẩu lớn nhất của ta ở thời điểm hiện tại.

#### *Cam kết thuế nhập khẩu của Việt Nam*

Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 48,5% số dòng thuế, tương đương 64,5% kim ngạch xuất khẩu của EU ngay khi Hiệp định có hiệu lực.

Tiếp đó, sau 7 năm, 91,8% số dòng thuế tương đương 97,1% kim ngạch xuất khẩu từ EU được Việt Nam xóa bỏ thuế nhập khẩu. Sau 10 năm, mức xóa bỏ này tương ứng là 98,3% số dòng thuế và 99,8% kim ngạch xuất khẩu của EU.

Khoảng 1,7% số dòng thuế còn lại của EU ta áp dụng lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu dài hơn 10 năm hoặc áp dụng TRQ theo cam kết WTO.

Cam kết cụ thể đối với một số mặt hàng EU quan tâm:

- Nhóm mặt hàng ô tô, phụ tùng ô tô, xe máy: thuế nhập khẩu về 0% sau 9 năm với ô tô phân khối lớn, 10 năm với các loại ô tô khác, 7 năm với phụ tùng ô tô, 10 năm với xe máy thường và 7 năm với xe máy trên 150 cm<sup>3</sup>.
- Nhóm mặt hàng rượu vang, rượu mạnh, bia: thuế nhập khẩu về 0% sau 7 năm với rượu vang, rượu mạnh, sau 10 năm với bia.
- Nhóm mặt hàng thịt lợn, thịt gà: thuế nhập khẩu về 0% sau 7 năm với 3 dòng thuế thịt lợn đông lạnh và 9 năm đối với các loại thịt lợn khác. Đối với thịt gà thì lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu là 10 năm.

## Thuế xuất khẩu

Về nguyên tắc, Việt Nam và EU cam kết không đánh thuế xuất khẩu đối với hàng hóa khi xuất khẩu từ lãnh thổ một bên sang bên kia. Lý do của cam kết cắt giảm thuế xuất khẩu là nhiều nước trên thế giới coi việc đánh thuế xuất khẩu là một hình thức trợ cấp gián tiếp gây ra cạnh tranh không lành mạnh giữa hàng hóa của các nước.

Trong EVFTA, Việt Nam đã bảo lưu quyền áp dụng thuế xuất khẩu đối với 57 dòng thuế, trong đó có các sản phẩm quan trọng như dầu thô, than đá (trừ than để luyện cốc và than cốc). Đối với các dòng thuế có mức thuế xuất khẩu hiện hành tương đối cao, Việt Nam cam kết mức trần thuế xuất khẩu về 20% trong thời gian tối đa là 5 năm (riêng quặng măng-gan có mức trần 10%). Với các sản phẩm khác, Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế xuất khẩu theo lộ trình tối đa là 16 năm.

## 2. Hạn ngạch thuế quan

Bên cạnh thuế nhập khẩu, Việt Nam và EU cũng áp dụng hạn ngạch thuế thuế quan (HNTQ) đối với một số ít mặt hàng có xuất xứ từ Bên kia. Nội dung cam kết này được quy định tại Phần B - Hạn ngạch thuế quan, Phụ lục 2-A của Hiệp định EVFTA, bao gồm các nguyên tắc chính, cam kết cụ thể theo từng mặt hàng kèm theo các quy định, yêu cầu tương ứng để được cấp HNTQ.

### 3. Quy tắc xuất xứ

Hiệp định EVFTA quy định 3 phương pháp để xác định xuất xứ của một hàng hóa, bao gồm: (i) hàng hóa có xuất xứ thuần túy; (ii) hàng hóa được gia công hoặc chế biến đáng kể; và (iii) quy tắc cụ thể đối với từng mặt hàng (PSR).

Bên cạnh đó, quy tắc cộng gộp cho phép Việt Nam và các nước thuộc EU được coi nguyên liệu của một hoặc nhiều nước thành viên khác như là nguyên liệu của nước mình khi sử dụng nguyên liệu đó để sản xuất ra một hàng hóa có xuất xứ EVFTA.

#### ***Đối với hàng hóa xuất khẩu từ EU:***

Với lô hàng có trị giá dưới 6.000 EUR, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng có thể tự chứng nhận xuất xứ.

Với lô hàng có trị giá trên 6.000 EUR, chỉ có nhà xuất khẩu đủ điều kiện (Approved exporters) mới được tự chứng nhận xuất xứ.

Hiện nay, EU đang xây dựng hệ thống nhà xuất khẩu đăng ký (Registered exporters) - là hệ thống cho phép nhà xuất khẩu chỉ cần đăng ký với cơ quan có thẩm quyền là có thể tự chứng nhận xuất xứ. Khi hệ thống này hoàn thiện và được áp dụng, EU sẽ thông báo cho Việt Nam trước khi thực hiện.

#### ***Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam:***

Hiện nay, Việt Nam chưa chính thức triển khai cơ chế tự chứng nhận xuất xứ. Trong thời gian tới, khi có thể chính thức áp dụng cơ chế này, Việt Nam sẽ ban hành quy định liên quan trong nước và thông báo cho EU trước khi thực hiện.

Dự kiến, nhà xuất khẩu sẽ tự chứng nhận xuất xứ trên một hoá đơn, phiếu giao hàng hoặc bất kỳ chứng từ thương mại nào mô tả sản phẩm liên quan với đủ thông tin để xác định được sản phẩm đó. Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ không phải thể hiện tiêu chí xuất xứ và mã HS hàng hóa nhưng phải có chữ ký của nhà xuất khẩu. Trong trường hợp nhà xuất khẩu đủ điều kiện có đăng ký với cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu về việc chịu hoàn toàn trách nhiệm với chứng từ tự chứng nhận xuất xứ do họ phát hành thì không phải ký tên trên chứng từ đó.

Bên cạnh đó, việc tự chứng nhận xuất xứ có thể được thực hiện sau khi xuất khẩu hàng hóa với điều kiện chứng từ chứng nhận xuất xứ đó phải được xuất trình tại Bên nhập khẩu không muộn hơn 2 năm hoặc khoảng thời gian được quy định trong luật pháp của Bên nhập khẩu, tính từ khi hàng hoá được nhập khẩu vào lãnh thổ của Bên đó.

## 4. Dịch vụ - Đầu tư

Cam kết của Việt Nam và EU về thương mại dịch vụ đầu tư nhằm tạo ra một môi trường đầu tư cởi mở, thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp hai bên.

### Cam kết trong một số ngành dịch vụ chính

Trong các ngành dịch vụ, cam kết của Việt Nam có đi xa hơn cam kết trong WTO. Cam kết của EU cao hơn trong cam kết trong WTO và tương đương với mức cam kết cao nhất của EU trong những Hiệp định FVIỆT NAM gần đây của EU.

Các lĩnh vực mà Việt Nam cam kết thuận lợi cho các nhà đầu tư EU gồm một số dịch vụ chuyên môn, dịch vụ tài chính, dịch vụ viễn thông, dịch vụ vận tải, dịch vụ phân phối, cụ thể như sau:

#### ***Dịch vụ ngân hàng:***

Việt Nam cam kết sẽ xem xét thuận lợi việc cho phép các tổ chức tín dụng EU nâng mức nắm giữ của phía nước ngoài lên 49% vốn điều lệ trong 02 ngân hàng thương mại cổ phần của Việt Nam. Tuy nhiên, cam kết này chỉ có hiệu lực trong vòng 05 năm (hết thời hạn 05 năm Việt Nam sẽ không bị ràng buộc bởi cam kết này), không áp dụng với 04 ngân hàng thương mại cổ phần mà nhà nước đang nắm cổ phần chi phối là BIDV, Vietinbank, Vietcombank và Agribank. Bên cạnh đó, việc thực hiện cam kết này sẽ phải tuân thủ đầy đủ các quy định về thủ tục mua bán, sáp nhập cũng như các điều kiện an toàn, cạnh tranh, bao gồm giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần áp dụng đối với từng nhà đầu tư là cá nhân, tổ chức trên cơ sở đối xử quốc gia, theo quy định của pháp luật của Việt Nam.

#### ***Dịch vụ bảo hiểm:***

Việt Nam cam kết cho phép nhượng tái bảo hiểm qua biên giới, cam kết dịch vụ bảo hiểm y tế tự nguyện theo luật trong nước. Riêng đối với yêu cầu cho phép thành lập chi nhánh công ty tái bảo hiểm, Việt Nam chỉ cho phép sau một giai đoạn quá độ.

#### ***Dịch vụ viễn thông:***

Việt Nam cam kết mức tương đương như trong Hiệp định CPTPP. Đặc biệt đối với dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng không có hạ tầng mạng, Việt Nam cho phép EU được lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài sau một giai đoạn quá độ.

## ***Dịch vụ vận tải:***

Đối với dịch vụ gom hàng và dịch vụ vận chuyển công-ten-nơ rỗng, ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam cho phép các hãng tàu EU thực hiện các dịch vụ này trên tuyến Quy Nhơn-Cái Mép, sau 05 năm Việt Nam sẽ cho phép thực hiện dịch vụ vận chuyển công-ten-nơ rỗng trên tất cả các tuyến. Với dịch vụ nạo vét, Việt Nam cho phép doanh nghiệp EU lập liên doanh tới 51% để cung cấp dịch vụ tại Việt Nam. Đối với dịch vụ mặt đất ở sân bay, Bộ Giao thông vận tải cũng đồng ý sau 05 năm kể từ khi Việt Nam mở cửa cho khu vực tư nhân sẽ cho phép các doanh nghiệp EU lập liên doanh với đối tác Việt Nam, trong đó vốn của phía nước ngoài không quá 49%, để đấu thầu cung cấp dịch vụ này. 03 năm sau đó, hạn chế vốn nước ngoài sẽ là 51%.

## ***Dịch vụ phân phối:***

Việt Nam đồng ý bỏ yêu cầu kiểm tra nhu cầu kinh tế sau 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, tuy nhiên Việt Nam bảo lưu quyền thực hiện quy hoạch hệ thống phân phối trên cơ sở không phân biệt đối xử. Việt Nam cũng đồng ý không phân biệt đối xử trong sản xuất, nhập khẩu và phân phối rượu, cho phép các doanh nghiệp EU được bảo lưu điều kiện hoạt động theo các giấy phép hiện hành và chỉ cần một giấy phép để thực hiện các hoạt động nhập khẩu, phân phối, bán buôn, bán lẻ.

## **Các nghĩa vụ chung về thương mại dịch vụ và đầu tư**

### ***Tiếp cận thị trường:***

Đối với những ngành, phân ngành liệt kê Trong Biểu cam kết cụ thể, trừ trường hợp có bảo lưu được ghi rõ trong Biểu cam kết, hai bên cam kết không áp dụng các hạn chế liên quan đến: (i) số lượng doanh nghiệp được phép tham gia thị trường, (ii) giá trị giao dịch, (iii) số lượng hoạt động, (iv) vốn góp của nước ngoài, (v) hình thức của pháp nhân, (vi) số lượng thể nhân được tuyển dụng.

### ***Đối xử quốc gia:***

Đối với những ngành/phân ngành được liệt kê trong Biểu cam kết cụ thể, hai bên cam kết dành cho dịch vụ nhà cung cấp dịch vụ và nhà đầu tư của nhau sự đối xử không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ và nhà đầu tư tương tự của mình, trừ trường hợp có quy định khác ở trong Biểu cam kết. Đối với các doanh nghiệp của nhà đầu tư của một Bên đã hoạt động trên lãnh thổ của Bên kia, hai Bên cam kết đối xử như doanh nghiệp của nhà đầu tư nước mình, trừ những ngoại lệ đã nêu trong Biểu cam kết và một số ngoại lệ cụ thể khác.



## *Đối xử tối huệ quốc:*

Hai bên cam kết dành cho khoản đầu tư của nhà đầu tư của nhau đã được cấp phép sự đối xử không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử dành cho cho khoản đầu tư của nhà đầu tư của một bên thứ ba. Các lĩnh vực thông tin truyền thông, văn hóa, thể thao và giải trí, vận tải hàng không và thương quyền hàng không, thủy sản và nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp và săn bắn, khai thác mỏ và dầu khí không phải áp dụng các nghĩa vụ này.

## *Các yêu cầu hoạt động:*

Đối với những ngành/phân ngành liệt kê trong Biểu cam kết cụ thể, hai bên cam kết không áp dụng các yêu cầu hoạt động như: quy định tỷ lệ hoặc mức xuất khẩu nhất định đối với hàng hóa hoặc dịch vụ, quy định tỷ lệ hoặc mức nội địa hóa nhất định, ràng buộc số lượng hoặc giá trị nhập khẩu với số lượng hoặc giá trị xuất khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ gắn với khoản đầu tư...

## **5. Mua sắm của Chính phủ**

### **Kết cấu của Chương Mua sắm của Chính phủ**

Cam kết trong lĩnh vực Mua sắm của Chính phủ mà Việt Nam và EU thống nhất nhằm tăng cường tính minh bạch, hiệu quả của mua sắm công, đảm bảo chi tiêu hiệu quả ngân sách Nhà nước. Theo đó, Chương Mua sắm của Chính phủ trong Hiệp định EVFTA gồm 2 phần chính:

- Các quy định chung về quy tắc, thủ tục áp dụng trong quá trình lựa chọn nhà thầu;
- Cam kết mở cửa thị trường mua sắm của Chính phủ của Việt Nam và EU: bao gồm 2 Phụ lục là cam kết của Việt Nam mở cửa cho nhà thầu EU và 01 Phụ lục là cam kết của EU mở cửa cho nhà thầu Việt Nam.

### **Các nội dung chính trong Chương Mua sắm của Chính phủ**

#### *Nguyên tắc chung cho tất cả các gói thầu thuộc phạm vi EVFTA:*

- Minh bạch: Nhà nước phải ban hành và thực thi các quy tắc minh bạch trong các bước của quy trình đấu thầu. Đây là nhóm mà Việt Nam có khá nhiều các bảo lưu về lộ trình thực hiện (được nêu cụ thể trong Phụ lục 9A của Hiệp định). Ví dụ, Việt Nam được bảo lưu việc thực hiện nghĩa vụ đăng tải thông báo mời thầu miễn phí qua phương thức điện tử tại một đầu mối duy nhất trong vòng 10 năm;
- Nguyên tắc đối xử quốc gia và không phân biệt đối xử;



- Sử dụng đấu thầu rộng rãi: cam kết sử dụng hình thức đấu thầu rộng rãi với tất cả các gói thầu thuộc diện điều chỉnh trừ trường hợp đáp ứng điều kiện để được áp dụng thủ tục đấu thầu hạn chế hoặc đấu thầu lựa chọn;
- Chống gian lận: Phải có các biện pháp liên chính và giải quyết khiếu nại để xử lý tình trạng tham nhũng, gian lận trong đấu thầu công...
- Đấu thầu điện tử: Việt Nam và EU thống nhất sẽ tạo điều kiện để tổ chức đấu thầu thông qua phương tiện điện tử, gồm công bố thông tin gói thầu, đăng tải các thông báo và hồ sơ mời thầu, tiếp nhận hồ sơ dự thầu và sử dụng đấu thầu điện tử nếu phù hợp

### ***Nhóm các nguyên tắc đối với thủ tục đấu thầu rộng rãi:***

- Công khai thông tin về việc đấu thầu trên mạng/trên báo và miễn phí;
- Công bố sớm kế hoạch mời thầu hàng năm;
- Phải đảm bảo các thời hạn nộp hồ sơ thầu (tối thiểu 40 ngày trong các trường hợp thông thường, tối thiểu là 25 ngày chỉ trong trường hợp thủ tục đấu thầu thực hiện hoàn toàn qua mạng và 10 ngày đối với một số rất hiếm hữu các trường hợp).

### ***Nhóm các nguyên tắc đối với thủ tục đấu thầu lựa chọn:***

- Thủ tục thầu không tạo ra rào cản bất hợp lý cho sự tham gia của các nhà thầu đáp ứng điều kiện;
- Thông báo mời thầu phải được đưa ra đủ sớm để nhà thầu có thể chuẩn bị hợp lý;
- Chỉ có thể sử dụng Danh sách nhà thầu đã đăng ký (cho các gói thầu nói chung) nếu đã tạo cơ hội hợp lý để các nhà thầu đều có tham gia Danh sách này và đã thông báo rõ ràng về các nội dung cơ bản của gói thầu....

### **Các gói thầu mua sắm công Việt Nam cam kết mở cửa cho nhà thầu EU**

Theo EVFTA, Việt Nam cam kết cho phép nhà thầu EU được tham gia các gói thầu đáp ứng được đồng thời 03 điều kiện nêu trong Phụ lục 9C: Giá trị gói thầu; Cơ quan mua sắm; Hàng hóa, dịch vụ cần mua sắm. Ngoài ra, cũng có một số trường hợp ngoại lệ mà các gói thầu không phải tuân thủ các quy định của Chương. Có thể chia làm các nhóm:

- Các ngoại lệ liên quan đến loại hoạt động;

- Các ngoại lệ liên quan đến loại hàng hóa;
- Các ngoại lệ liên quan đến dịch vụ;
- Các ngoại lệ đối với dịch vụ xây dựng;
- Ngoại lệ liên quan đến Biện pháp ưu đãi trong nước;
- Các ngoại lệ khác.

## Các gói thầu mua sắm công mà EU cam kết mở cửa cho Việt Nam

Các điều kiện về gói thầu mua sắm công mà EU cam kết mở cửa cho nhà thầu, hàng hóa, dịch vụ Việt Nam được nêu trong Phụ lục 9B, Chương 9 của Hiệp định EVFTA cũng bao gồm 03 nhóm điều kiện đồng thời (về cơ quan mua sắm, về loại hàng hóa/dịch vụ mua sắm và về ngưỡng giá trị).

Ngoài ra, EU cũng bảo lưu một số trường hợp ngoại lệ dù đã đáp ứng đủ các điều kiện về gói thầu mua sắm như nêu trên nhưng vẫn được miễn trừ khỏi phạm vi áp dụng của các cam kết trong EVFTA liên quan tới mua sắm công. Ví dụ như: Gói thầu mua sắm nông sản trong chương trình thúc đẩy hỗ trợ nông nghiệp hoặc cung cấp/viện trợ lương thực cho người dân; Gói thầu mua sắm, phát triển, sản xuất tư liệu cho chương trình truyền hình và hợp đồng phát sóng...

## 6. Sở hữu trí tuệ

Cam kết về sở hữu trí tuệ của Hiệp định EVFTA gồm cam kết về bản quyền, phát minh, sáng chế, cam kết liên quan tới dược phẩm và chỉ dẫn địa lý, v.v.. Về cơ bản, các cam kết về sở hữu trí tuệ của Việt Nam là phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

## Quyền tác giả và quyền liên quan

Việt Nam cam kết sẽ gia nhập Hiệp định về Quyền tác giả (WCT) và Hiệp ước về Biểu diễn và Bản ghi âm (WPPT) của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) trong vòng 3 năm kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực. Hiệp định EVFTA quy định thời hạn bảo hộ kéo dài ít nhất 50 năm và bảo hộ độc quyền của người biểu diễn trong sao chép, phân phối, công bố, phát sóng đến công chúng cuộc biểu diễn đã định hình.

## Nhãn hiệu

Hai Bên cam kết áp dụng thủ tục đăng ký thuận lợi, minh bạch, bao gồm việc thiết lập một cơ sở dữ liệu điện tử công khai về các hồ sơ đăng ký nhãn hiệu, đồng thời cho phép thu hồi nhãn hiệu đã đăng ký nhưng không sử dụng thực tế trong vòng ít nhất 5 năm.

## Kiểu dáng công nghiệp

Việt Nam cam kết gia nhập Thỏa ước La-hay về Đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp (1990) trong vòng 2 năm kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực và sẽ bảo hộ kiểu dáng công nghiệp với thời gian ít nhất 15 năm.

## Thực thi

Hiệp định có quy định về kiểm soát tại biên giới nếu phát hiện hàng xuất khẩu có dấu hiệu vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

## Chỉ dẫn địa lý (GI)

Do các Thành viên EU có truyền thống sản xuất hàng loạt nông sản, thực phẩm có chất lượng đặc trưng theo vùng như rượu vang Bordeaux, phô-mát Mozzarella, giăm bông Parma, v.v.. nên EU có chế độ bảo hộ cao đối với GI và rất chú trọng nội dung trong đàm phán các FTA. Việt Nam cũng đã có quy định pháp luật về bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý và đã có một số chỉ dẫn địa lý được bảo hộ, đem lại giá trị cao hơn cho người sản xuất nông sản, thực phẩm của một số địa phương.

Khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam sẽ bảo hộ trên 169 chỉ dẫn địa lý của EU (bao gồm 28 thành viên) (chủ yếu là rượu và thực phẩm). EU sẽ bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đều liên quan tới nông sản, thực phẩm nổi tiếng có tiềm năng xuất khẩu cao như trà Mộc Châu, cà phê Buôn Ma Thuật v.v.. tạo điều kiện cho một số chủng loại nông sản của Việt Nam xây dựng và khẳng định thương hiệu của mình tại thị trường EU.

## Cam kết về đối xử tối huệ quốc (MFN)

Khác với việc coi các ưu đãi trong thương mại hàng hóa và dịch vụ trong khuôn khổ các FTA là trường hợp ngoại lệ của nguyên tắc MFN (các thành viên trong một FTA có thể dành cho nhau ưu đãi trong lĩnh vực hàng hóa và dịch vụ mà không bị coi là vi phạm nguyên tắc MFN của WTO), theo Hiệp định TRIPS của WTO, liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ, nếu một thành viên WTO dành bất kỳ lợi thế, ưu đãi, ưu tiên, miễn trừ nào cho chủ thể mang quốc tịch của một nước thành viên WTO khác thì cũng phải dành đối xử đó cho các chủ thể mang quốc tịch của tất cả các nước thành viên WTO. Như vậy, các cam kết mức độ cao về sở hữu trí tuệ (đối với các nghĩa vụ được

quy định trong Hiệp định TRIPS) theo Hiệp định EVFTA sẽ được áp dụng cho tất cả các thành viên WTO và ngược lại.

## 7. Thương mại và Phát triển bền vững

Chương Thương mại và phát triển bền vững trong Hiệp định EVFTA gồm 17 Điều với các nội dung chính gồm: Đa dạng sinh học, Biến đổi khí hậu, Quản lý tài nguyên rừng và thương mại lâm sản, Quản lý bền vững nguồn tài nguyên sinh vật biển và sản phẩm nuôi trồng thủy sản, Lao động và Minh bạch hóa. Cụ thể như sau:

### Đa dạng sinh học

Các Bên thừa nhận chủ quyền tài nguyên của các quốc gia và quyền quyết định việc được phép tiếp cận nguồn gen là của Chính phủ mỗi Bên và tùy thuộc vào pháp luật trong nước. Các Bên sẽ nỗ lực tạo điều kiện cho việc tiếp cận nguồn gen với mục đích đúng đắn, tuy nhiên, việc tiếp cận nguồn gen phải có sự đồng ý được thông báo trước của Bên cung cấp, trừ khi Bên đó quy định khác.

Ngoài ra, hai Bên sẽ tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin về các chiến lược, sáng kiến, chính sách, chương trình, kế hoạch hành động và chiến dịch nâng cao nhận thức của người tiêu dùng nhằm ngăn chặn sự biến mất đa dạng sinh học và giảm áp lực về đa dạng sinh học.

### Biến đổi khí hậu

Các Bên cam kết sẽ thực thi, hợp tác nhằm đạt được các mục đích liên quan đến biến đổi khí hậu được quy định trong một số hiệp định quốc tế về môi trường gồm Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu năm 1992, Nghị định thư Kyoto liên quan đến Công ước UNFCCC và Hiệp định Paris. Các Bên sẽ hợp tác trong các lĩnh vực quan trọng gồm: (i) xây dựng, thực thi và vận hành các cơ chế định giá các-bon, (ii) thúc đẩy thị trường các-bon trong nước và quốc tế qua các cơ chế như Chương trình mua bán khí thải và Giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng, (iii) tăng cường tiết kiệm năng lượng, công nghệ khí thải thấp và năng lượng tái tạo.

### Quản lý tài nguyên rừng bền vững và thương mại lâm sản

Tăng cường thúc đẩy thương mại lâm sản từ những khu rừng được quản lý bền vững, trao đổi thông tin về các biện pháp thúc đẩy tiêu thụ gỗ và sản phẩm gỗ.

## **Quản lý bền vững nguồn tài nguyên sinh vật biển và sản phẩm nuôi trồng thủy sản**

Cam kết tuân thủ các Công ước quốc tế về Luật Biển, các hiệp định về bảo tồn tài nguyên sinh vật biển. Trong đó, hai Bên nhấn mạnh tích cực tham gia đấu tranh chống lại việc đánh bắt cá bất hợp pháp, thúc đẩy phát triển ngành nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững dựa trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường.

## **Lao động**

Cam kết tiếp tục và duy trì các nỗ lực nhằm phê chuẩn các công ước cơ bản của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và xem xét việc thông qua các công ước khác được ILO phân loại là phù hợp với thời điểm hiện tại, có tính đến điều kiện trong nước. Ngoài ra, các Bên tái khẳng định cam kết của mình về việc thực hiện có hiệu quả luật pháp và quy định trong nước và các Công ước của ILO đã được phê chuẩn.

## **Minh bạch hóa**

Các Bên phải công khai, minh bạch các vấn đề gồm: quá trình xây dựng và thực thi pháp luật, các biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường có thể ảnh hưởng tới thương mại đầu tư; đối thoại, trao đổi và chia sẻ thông tin liên quan đến quá trình xây dựng, thực thi các chiến lược, chính sách, quy định pháp luật về các hiệp định đa phương về môi trường, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, lâm nghiệp, thủy sản và tài nguyên biển; và đảm bảo sử dụng các thông tin và bằng chứng khoa học, các hướng dẫn, tiêu chuẩn quốc tế một cách thích hợp trong quá trình xây dựng và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường.

## **8. Hiệp định IPA**

### **Về bảo hộ đầu tư**

Hai bên cam kết sẽ dành đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc với đầu tư của nhà đầu tư của Bên kia, với một số ngoại lệ, cũng như sự đối xử công bằng, thỏa đáng, bảo hộ an toàn và đầy đủ, cho phép tự do chuyển vốn và lợi nhuận từ đầu tư ra nước ngoài, cam kết không trưng thu, quốc hữu hóa tài sản của nhà đầu tư mà không có bồi thường thỏa đáng, cam kết bồi thường thiệt hại phù hợp cho nhà đầu tư của bên kia tương tự như nhà đầu tư trong nước hoặc của bên thứ ba trong trường hợp bị thiệt hại do chiến tranh, bạo loạn, v.v...

### **Về cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và nhà nước**

Trong trường hợp có tranh chấp phát sinh giữa một Bên và nhà đầu tư của Bên kia, hai bên thống nhất ưu tiên giải quyết tranh chấp một cách thiện chí thông qua đàm phán và hòa giải.

Trong trường hợp không thể giải quyết tranh chấp thông quan tham vấn và hòa giải thì mới sử dụng đến cơ chế giải quyết tranh chấp được quy định trong Hiệp định này. Theo đó, Việt Nam và EU thống nhất thiết lập một cơ chế giải quyết tranh chấp thường trực gồm hai cấp là sơ thẩm (với 09 thành viên) và phúc thẩm (với 06 thành viên). Thành viên của cơ chế giải quyết tranh chấp đầu tư này do Ủy ban Thương mại EVFTA chỉ định, hoạt động theo nhiệm kỳ thông thường là 04 năm và có thể được chỉ định thêm 01 nhiệm kỳ, được hưởng phí duy trì do các Bên của Hiệp định chi trả.

Phán quyết của cơ quan phúc thẩm và phán quyết của Tòa trọng tài sơ phẩm nếu không bị kháng cáo trong vòng 90 ngày kể từ ngày ban hành được coi là phán quyết cuối cùng, các bên tranh chấp không có quyền kháng cáo nữa. Hai bên sẽ công nhận phán quyết cuối cùng có giá trị tương đương như phán quyết của Tòa án nước mình. Đối với Việt Nam, quy định này sẽ có hiệu lực sau 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực hoặc trong thời gian dài hơn do Ủy ban Thương mại thống nhất. Việc thi hành phán quyết được thực hiện theo pháp luật của quốc gia nơi phán quyết được thi hành.

Hai bên thống nhất nếu cùng tham gia vào một Hiệp định thành lập cơ chế giải quyết tranh chấp đa phương về đầu tư hoặc cơ chế phúc thẩm đa phương về đầu tư thì có thể chấm dứt việc thực hiện hệ thống cơ quan giải quyết tranh chấp đầu tư song phương theo Hiệp định này.

## V. Quan hệ song phương Việt Nam - EU

### *Quan hệ Thương mại*

EU là khu vực chiếm tỷ trọng lớn trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và châu Âu. Quan hệ thương mại Việt Nam - EU đã phát triển rất nhanh chóng và hiệu quả, từ năm 2000 đến năm 2017, kim ngạch quan hệ thương mại Việt Nam – EU đã tăng hơn 13,7 lần, từ mức 4,1 tỷ USD năm 2000 lên 56,45 tỷ USD năm 2019; trong đó xuất khẩu của Việt Nam vào EU tăng 14,8 lần (từ 2,8 tỷ USD lên 41,54 tỷ USD) và nhập khẩu vào Việt Nam từ EU tăng hơn 11,4 lần (1,3 tỷ USD lên 14,90 tỷ USD).

Năm 2019, kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và EU đạt trên 56,45 tỷ USD, tăng 1,11% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó xuất khẩu đạt trên 41,54 tỷ USD (giảm 0,81%) và nhập khẩu đạt 14,90 tỷ USD (tăng 6,84%). Các thị trường có giá trị xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD trong năm 2019 là Hà Lan (6,88 tỷ USD, giảm 2,89% so năm 2018), Đức (6,56 tỷ USD, giảm 4,63%), Anh (5,76 tỷ USD, giảm 0,38%), Pháp (3,76 tỷ USD, giảm 0,01%), Italia (3,44 tỷ USD, tăng 18,46%), Áo (3,27 tỷ USD, giảm 19,93%), Tây Ban Nha (2,72 tỷ USD, tăng 3,38%), Bỉ (2,55 tỷ USD, tăng 5,83%), Ba Lan (1,50 tỷ USD, tăng 12,42%) và Thụy Điển (1,18 tỷ USD), tăng 2,39%).

## Thông kê kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam – EU

(Đơn vị: triệu USD)

Năm	Xuất khẩu		Nhập khẩu		Xuất nhập khẩu	
	Trị giá	Tăng (%)	Trị giá	Tăng (%)	Trị giá	Tăng (%)
<b>2015</b>	30.940,1	10,77	10.433,9	17,16	41.374,0	12,31
<b>2016</b>	34.007,1	9,92	11.063,5	6,03	45.070,7	8,93
<b>2017</b>	38.336,9	12,75	12.097,6	8,57	50.434,5	11,72
<b>2018</b>	41.885,5	9,42	13.892,3	13,95	55.777,8	10,59
<b>2019</b>	41.546,6	-0,81	14.906,3	7,30	56.452,9	1,21

(Nguồn: Tổng Cục Hải quan)

Các nước xuất khẩu chính của Việt Nam tại thị trường EU trong thời gian qua vẫn tập trung vào các thị trường truyền thống như Hà Lan, Đức, Anh, Pháp, I-ta-li-a, Tây Ban Nha, Bỉ và Ba Lan. Đối với thị trường Áo, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này chủ yếu là nhờ xuất khẩu mặt hàng điện thoại di động.

### Về xuất khẩu:

Năm 2019, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang EU đạt 41,54 tỷ USD, giảm 0,81% so với năm 2018. Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang EU là điện thoại các loại và linh kiện (đạt 12,21 tỷ USD, giảm 7,23%), giày dép các loại (5,03 tỷ USD, tăng 7,51%), máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (4,66 tỷ USD, giảm 8,13%), hàng dệt may (4,26 tỷ USD, tăng 3,90%), máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (2,51 tỷ USD, tăng 21,63%), hàng thủy sản (1,25 tỷ USD, giảm 13,07%) và cà phê (1,16 tỷ USD, giảm 14,91%). Các mặt hàng có mức tăng trưởng cao nhất trong năm 2019 là chất dẻo nguyên liệu (đạt 19,13 triệu USD, tăng 235,42%), giấy và các sản phẩm từ giấy (13,94 triệu USD, tăng 175,56%), máy ảnh, máy quay phim và linh kiện (30,70 triệu USD, tăng 139,83%), chè (8,20 triệu USD, tăng 132,98%) và dây điện và dây cáp điện (31,10 triệu USD, tăng 139,83%). Đáng lưu ý là một số mặt hàng xuất khẩu tăng trưởng giảm như sắt thép các loại (238,28 triệu USD, giảm 33,98%), hóa chất (38,35 triệu USD, giảm 16,83%), cao su (113,77 triệu USD, giảm 11,37%), hàng thủy sản (1,25 tỷ USD, giảm 13,07%) và cà phê (1,16 tỷ USD, giảm 14,91%).



## Một số mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang EU

(Đơn vị: triệu USD)

TT	Tên hàng	2017	2018	2019	2019/2018
1	Giày dép	4.612,3	4.677,8	5.029,4	<b>7,51%</b>
2	Dệt may	3.733,3	4.101,7	4.261,9	<b>3,90%</b>
3	Thủy hải sản	1.422,1	1.435,2	1.247,6	<b>-13,07%</b>
4	Cà phê	1.365,4	1.360,5	1.157,7	<b>-14,91%</b>
5	Đồ gỗ	751,4	779,1	846,6	<b>8,65%</b>
6	Máy vi tính	4.097,5	5.072,9	4.660,4	<b>-8,13%</b>
7	Điện thoại	11.778,0	13.161,4	12.209,2	<b>-7,23%</b>
8	Túi xách, ví, vali, mũ & ô dù	879,5	929,8	965,6	<b>3,85%</b>
9	Sản phẩm từ thép	399,8	568,8	551,4	<b>-3,06%</b>
10	Phương tiện VT và PT	705,0	671,6	814,3	<b>21,24%</b>
11	Hạt điều	944,4	105,4	102,6	<b>-2,66%</b>
12	Máy móc	1.688,4	2.063,8	2.510,3	<b>21,63%</b>

(Nguồn: Tổng Cục Hải quan)

### Về nhập khẩu

Năm 2019, nhập khẩu hàng hóa từ EU đạt 14,90 tỷ USD tăng 6,84% so với năm 2018. Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ EU là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác (đạt 3,91 tỷ USD, giảm 3,92%), máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (2,51 tỷ USD, tăng 36,40%), dược phẩm (1,63 tỷ USD, tăng 13,50%), sản phẩm hóa chất (556,47 triệu USD, tăng 4,89%) và nguyên phụ liệu, dệt, may, da, giày (402,17 triệu USD, giảm 2,58%). Các mặt hàng có mức tăng trưởng cao nhất trong năm 2019 là máy ảnh, máy quay phim và linh kiện (đạt 6,44 triệu USD, tăng 114,93%), ô tô nguyên chiếc các loại (135,83 triệu USD, tăng 74,64%), sản phẩm từ kim loại thường khác (15,98 triệu USD, tăng 73,64%), giấy các loại (77,80 triệu USD tăng 41,94%), đá quý, kim loại quý và sản phẩm (78,48 triệu USD, tăng 37,28%) và máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (2,51 tỷ USD, tăng 36,40%). Đáng lưu ý là một số mặt hàng nhập khẩu tăng trưởng giảm như phế liệu sắt thép (59,69 triệu USD, giảm 53,14%), quặng và khoáng sản khác (4,95 triệu USD, giảm 29,17%), thuốc trừ sâu và nguyên liệu (81,16 triệu USD, giảm 27,42%), hóa chất (195,56 triệu USD, giảm 25,46%), phương tiện vận tải khác và phụ tùng (257,16 triệu USD, giảm 22,77%) và phân bón các loại (29,36 triệu USD, giảm 22,37%).



## Một số mặt hàng Việt Nam nhập khẩu chính từ EU

(Đơn vị: Triệu USD)

TT	Tên hàng	2017	2018	2019	2019/2018
1	Máy móc thiết bị	3.431,5	4.069,5	3.909,9	-3,92%
2	Dược phẩm	1.440,3	1.438,8	1.633,1	+13,50%
3	NPL Dệt may da	312,6	412,8	402,2	-2,58%
4	Sắt thép các loại	74,1	148,1	174,0	+17,48%
5	Phân bón các loại	41,5	37,8	29,4	-22,37%
6	Phương tiện VT khác	133,1	332,9	257,1	-22,77%
7	Sữa và sp từ sữa	217,6	192,4	214,9	+11,74%
8	Máy vi tính, sp ĐT	154,8	1.843,4	2.514,4	+36,40%
9	Sản phẩm hóa chất	221,3	530,5	556,5	+4,89%
10	L.kiện p.tùng ô tô	512,1	248,2	218,8	-11,85%
11	Ô tô nguyên chiếc	115,3	77,8	135,8	+74,64%

(Nguồn: Tổng Cục Hải quan)

### Về quan hệ thương mại Việt Nam – EU

Ngày 26/03/2018, EC ban hành Quyết định điều tra phòng vệ thương mại đối với 26 loại thép nhập khẩu trong đó có thép xuất xứ Việt Nam do phát hiện tình trạng gia tăng đột biến thép nhập khẩu. Động thái này có thể dẫn tới việc tăng thuế nhập khẩu hoặc áp đặt hạn ngạch đối với một số loại thép Việt Nam; Ngày 26/06/2018, EC ban hành Quyết định bổ sung thêm 2 loại sản phẩm thép phải bị điều tra;

Ngày 23/06/2018, Ủy ban châu Âu đánh giá tình hình đánh bắt thủy sản bất hợp pháp, không khai báo và không đăng ký của Việt Nam vẫn chưa có nhiều tiến bộ kể từ khi bị thẻ vàng (23/10/2017). Hoạt động xuất khẩu thủy sản đánh bắt của Việt Nam sang Bỉ và EU vẫn diễn ra bình thường do nhu cầu nhập khẩu thủy sản của EU rất lớn nhưng tình trạng thẻ vàng tiếp tục kéo dài sẽ ít nhiều gây tâm lý bất an cho cả doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam và doanh nghiệp nhập khẩu châu Âu. Cơ quan quản lý hoạt động đánh bắt thủy sản và chủ tàu cá Việt Nam sẽ phải tăng chi phí quản lý và đầu tư trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu chống đánh bắt IUU;

Ngày 02/07/2018, Ủy ban châu Âu ban hành Quyết định tăng cường kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong một số loại rau thơm và trái thanh long Việt Nam xuất khẩu sang EU. Quyết định

này sẽ làm tăng chi phí xét nghiệm và tăng nguy cơ các sản phẩm liên quan bị từ chối thông quan tại các cảng EU.

## ***Về Hiệp định Thương mại tự do và Hiệp định bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA và EVIPA)***

Ngày 30 tháng 6 năm 2019, dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc, Bộ trưởng Công Thương Trần Tuấn Anh đại diện cho Việt Nam và Cao ủy thương mại Cecilia Malmstrom, Bộ trưởng Romania phụ trách kinh doanh, thương mại và doanh nghiệp Stefan-Radu Oprea đại diện cho EU đã ký kết chính thức Hiệp định thương mại tự do Việt Nam và Liên minh châu Âu - EU (EVFTA).

Việc ký kết thành công của hiệp định này đánh dấu một mốc mới trên chặng đường gần 30 năm hợp tác và phát triển giữa Việt Nam và EU, là một thông điệp tích cực về quyết tâm của Việt Nam trong việc thúc đẩy sự hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới đang có nhiều diễn biến phức tạp và khó đoán định.

Cam kết mở cửa thị trường mạnh mẽ trong Hiệp định EVFTA chắc chắn sẽ thúc đẩy quan hệ thương mại Việt Nam - EU, giúp mở rộng hơn nữa thị trường cho hàng xuất khẩu của Việt Nam. Với cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu lên tới gần 100% biểu thuế và giá trị thương mại mà hai bên đã thống nhất, cơ hội gia tăng xuất khẩu cho những mặt hàng Việt Nam có lợi thế như dệt may, da giày, nông thủy sản (kể cả gạo, đường, mật ong, rau củ quả), đồ gỗ, v.v. là rất đáng kể; đồng thời giúp người tiêu dùng Việt Nam được tiếp cận nguồn cung các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao từ EU trong các lĩnh vực như dược phẩm, chăm sóc sức khỏe, xây dựng hạ tầng và giao thông công cộng...

Cùng với việc tăng cường quan hệ tổng thể với EU, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và EU cũng tạo điều kiện rất tốt để Việt Nam và từng nước thành viên có thể mở ra những cơ hội hợp tác mới trên cơ sở lợi thế của từng nước, đưa hợp tác song phương giữa Việt Nam và từng nước thành viên ngày càng đi vào thực chất, bền vững.

Tuy nhiên, hai bên vẫn phải trải qua một bước nữa để đưa ra 2 Hiệp định vào thực thi, trình Quốc hội Việt Nam và Nghị viện châu Âu phê chuẩn 2 hiệp định. Với Việt Nam, Bộ Công Thương sẽ chịu trách nhiệm về chuẩn bị bộ hồ sơ trình phê chuẩn về EVFTA, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ chịu trách nhiệm về bộ hồ sơ trình phê chuẩn EVIPA. Quy trình phê chuẩn Hiệp định sẽ thực hiện theo đúng quy trình quy định tại Luật Điều ước, Chính phủ sẽ trình bộ hồ sơ xin phê chuẩn sang Chủ tịch nước và Chủ tịch nước sẽ quyết định việc trình ra Quốc hội để xin phê chuẩn. Với EU, quy trình phê chuẩn có sự khác biệt giữa EVFTA và EVIPA. Cụ thể, với EVFTA chỉ cần Nghị viện châu Âu phê chuẩn là có thể có hiệu lực ngay. Phía EU gọi là hiệu lực “tạm thời” bởi sau đó, về

nguyên tắc, EVFTA vẫn phải được Nghị viện 28 nước thành viên EU phê chuẩn. EVIPA thì khác, hiệp định này phải được Nghị viện châu Âu và Nghị viện của tất cả 28 nước thành viên thông qua thì mới có hiệu lực.

Ngày 21/01/2020, Ủy ban thương mại quốc tế (INTA) đã tiến hành bỏ phiếu về việc thông qua hai hiệp định theo đó, Hiệp định EVFTA nhận được 29 phiếu thuận và EVIPA 26 phiếu thuận. Đây là tỷ lệ bỏ phiếu cao nhất nếu so sánh với một số FTA gần đây giữa EU và các đối tác. Dự kiến Nghị viện châu Âu (EP) bỏ phiếu trong phiên toàn thể vào ngày 12/02/2020. Tiếp sau đó, hai Hiệp định sẽ cần Quốc hội Việt Nam thông qua (dự kiến vào kỳ họp tháng 5/2020) để chính thức đi vào hiệu lực.

## ***Quan hệ đầu tư Việt Nam - EU***

### *Đầu tư của EU vào Việt Nam*

Năm 2019, EU có 2.375 dự án (tăng 182 dự án so với năm 2018) từ 27/28 quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu (EU) còn hiệu lực tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký 25,49 tỷ USD (tăng 1,19 tỷ USD) chiếm 7,70% số dự án của cả nước và chiếm 7,03% tổng vốn đầu tư đăng ký của các nước. Trong đó Hà Lan đứng đầu với 344 dự án và 10,05 tỷ USD, chiếm 39,43% tổng vốn đầu tư của EU tại Việt Nam (tăng 26 dự án và 692,76 triệu USD vốn đầu tư). Vương quốc Anh đứng thứ hai với 380 dự án và 3,72 tỷ USD tổng vốn đầu tư, chiếm 14,58% tổng vốn đầu tư (tăng 29 dự án và 210,10 triệu USD vốn đầu tư). Pháp đứng thứ ba với 563 dự án và 3,60 tỷ USD tổng vốn đầu tư, chiếm 14,13% tổng vốn đầu tư (tăng 23 dự án nhưng giảm 72,07 triệu USD vốn đầu tư).

Nhìn chung, các nhà đầu tư châu Âu có ưu thế về công nghệ, vì vậy đã góp phần tích cực trong việc tạo ra một số ngành nghề mới và sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao. Một số tập đoàn lớn của EU đang hoạt động có hiệu quả tại Việt Nam như BP (Anh), Shell Group (Hà Lan), Total Elf Fina (Pháp Bỉ), Daimler Chrysler (Đức), Siemen, Alcatel Comvik (Thụy Điển)... Xu thế đầu tư của EU chủ yếu vẫn tập trung vào các ngành công nghiệp công nghệ cao, tuy nhiên, gần đây có xu hướng phát triển tập trung hơn vào các ngành dịch vụ (bưu chính viễn thông, tài chính, văn phòng cho thuê, bán lẻ).

### *Đầu tư Việt Nam vào EU*

Về đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam sang EU, nhìn chung đầu tư Việt Nam sang EU là không nhiều, chủ yếu tập trung vào một số nước như Hà Lan, Séc, Đức. Tính đến hết nay 31/12/2018, Việt Nam có 78 dự án đầu tư sang 10 nước EU (Anh, Ba Lan, Bỉ, Bồ Đào Nha, Đức, Hà Lan, Pháp, CH Séc, Tây Ban Nha và Xi-lô-va-ki-a) với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 320,20 triệu USD. Trong đó chủ yếu sang Đức với 29 dự án với tổng vốn đăng ký trị giá 120,3 triệu USD, sang Anh

và Quần đảo Virgin thuộc Anh (20 dự án trị giá 144,5 triệu USD), sang Pháp (10 dự án trị giá 5,4 triệu USD), sang Xlo-va-ki-a (2 dự án trị giá 36,4 triệu USD),...

*(Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ, Bộ Công Thương)*

## VI. Tác động của Hiệp định EVFTA và IPA đối với nền kinh tế Việt Nam

Ngày 12/2/2020, Nghị viện châu Âu chính thức thông qua Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA). Với những nội dung cam kết toàn diện và ở mức cao nhất trong số các FTA trước đây của Việt Nam, EVFTA được kỳ vọng sẽ có những tác động sâu rộng đến nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới. Theo đó, tác động của EVFTA được xét trên các phương diện như : về chính trị, an ninh quốc gia, về kinh tế, về tác động ngành, về pháp luật, thể chế, về lao động việc làm, an sinh, xã hội.

### Về chính trị, an ninh quốc gia và chiến lược đối ngoại

” Ở góc độ song phương, trong bối cảnh quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp và bản thân nội bộ EU gặp rất nhiều khó khăn như sự nổi lên của chủ nghĩa dân túy và bảo hộ mậu dịch, Hiệp định EVFTA thể hiện quyết tâm mạnh mẽ của cả hai bên trong việc thúc đẩy quan hệ song phương, góp phần đưa quan hệ giữa Việt Nam và EU phát triển sâu rộng và thực chất hơn. Việc ký kết và phê chuẩn EVFTA là phù hợp với chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa và chủ trương của ta trong việc đưa quan hệ với các đối tác lớn, trong đó có EU, đi vào chiều sâu, tăng cường đan xen lợi ích chiến lược, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của EU cho việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, chính trị, đối ngoại nhiều mặt của Việt Nam hiện nay. Bên cạnh đó, cùng với Hiệp định CPTPP, việc phê chuẩn và thực thi Hiệp định EVFTA khẳng định cam kết của Việt Nam đối với hệ thống thương mại tự do quốc tế, thúc đẩy đàm phán FTA của ta với các đối tác quan trọng khác, đánh dấu giai đoạn hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng của Việt Nam. Ở góc độ đa phương, với việc Việt Nam đảm nhiệm vai trò Chủ tịch ASEAN năm 2020, Hiệp định EVFTA sẽ làm gia tăng vai trò, vị thế của Việt Nam trong quan hệ EU – ASEAN cũng như tạo hình mẫu cho một hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với EU trong tương lai.”

*(Theo vụ chính sách Thương Mại Đa Biên)*

### Về kinh tế

**Theo ThS Nguyễn Thị Minh Ngọc:** “Trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng, tác động của Hiệp định EVFTA này là rất lớn, đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế, đổi mới của các doanh nghiệp (DN) Việt Nam, giúp các DN, các nhà đầu tư của các nước, của Việt Nam có cơ hội phát triển mạnh mẽ tại các thị trường mà hai bên có FTA”.

Bộ Kế hoạch và Đầu Tư đã tiến hành nghiên cứu đánh giá tác động của Hiệp Định EVFTA đối với Việt Nam. Các kết quả nghiên cứu như sau:

- Tác động tới tăng trưởng

Nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho thấy nếu các cam kết về cắt giảm thuế quan và phi thuế quan được thực thi triệt để, kết hợp với một số yếu tố từ chiến tranh thương mại, khả năng Anh rời khỏi EU (Brexit), sự thay đổi chính sách của các nước..., tăng trưởng kinh tế của Việt Nam sẽ được cải thiện trong cả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Kết quả tính toán chỉ ra rằng Hiệp định EVFTA dự kiến sẽ góp phần làm GDP tăng thêm ở mức bình quân từ 2,18 đến 3,25% (cho giai đoạn 05 năm đầu thực hiện), 4,57-5,30% (cho giai đoạn 05 năm tiếp theo) và 7,07-7,72% (cho giai đoạn 05 năm sau đó).

- Tác động đến thương mại

Về xuất khẩu, Hiệp định EVFTA dự kiến giúp kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng thêm khoảng 42,7% vào năm 2025 và 44,37% vào năm 2030 so với không có Hiệp định.

Xét về tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới, dự kiến kim ngạch của ta sẽ tăng trung bình 5,21-8,17% (cho giai đoạn 05 năm đầu thực hiện), 11,12-15,27% (cho giai đoạn 05 năm tiếp theo) và 17,98-21,95% (cho giai đoạn 05 năm sau đó).

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của một số ngành sang EU như sau:

+ Nhóm hàng nông sản: gạo (tăng thêm 65% vào năm 2025), đường (8%), thịt lợn (4%), lâm sản (3%), thịt gia súc gia cầm (4%), đồ uống và thuốc lá (5%).

+ Nhóm ngành chế biến chế tạo tăng: dệt (67%), may mặc (81%), da giày (99%).

+ Nhóm ngành dịch vụ tăng: vận tải thủy (100%), vận tải hàng không (141%), tài chính và bảo hiểm (21%), các dịch vụ phục vụ kinh doanh khác (80%).

Về nhập khẩu, nhập khẩu của Việt Nam từ EU tăng khoảng 33,06% vào năm 2025 và 36,7% vào năm 2030.

Xét về tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thế giới, dự kiến kim ngạch của ta tăng trung bình 4,36-7,27% (cho giai đoạn 05 năm đầu thực hiện), 10,63-15,4% (cho giai đoạn 05 năm tiếp theo) và 16,41-21,66% (cho giai đoạn 05 năm sau đó).

Nhóm hàng được dự báo tăng nhập khẩu nhiều nhất từ EU là phương tiện và thiết bị vận tải, chiếm khoảng 12% tổng giá trị nhập khẩu tăng thêm, nhóm hàng máy móc thiết bị (10%), dệt may và điện thoại và linh kiện điện tử (6-7%), nông, lâm, thủy sản (5%).

Xét về tổng thể, EVFTA sẽ góp phần giúp đa dạng hóa thị trường của ta để không bị phụ thuộc quá nhiều vào một thị trường nào, từ đó giúp bảo đảm an ninh kinh tế của Việt Nam.

- Tác động tới đầu tư trực tiếp nước ngoài

Nghiên cứu chưa tính được con số chính xác về FDI tăng thêm do phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Tuy nhiên, kỳ vọng về đổi mới thể chế, cải thiện môi trường đầu tư do thực hiện Hiệp định sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn đối với các nhà đầu tư.

Các cam kết rộng và sâu về đầu tư của Hiệp định sẽ giúp Việt Nam tiếp tục đổi mới cơ cấu kinh tế, hoàn thiện thể chế và môi trường kinh doanh ở Việt Nam, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư EU kinh doanh tại Việt Nam.

Các cam kết về thuận lợi hóa đầu tư cùng với mức độ tự do hóa các ngành dịch vụ của Việt Nam dành cho các nhà cung cấp dịch vụ của EU tăng lên, đặc biệt là dịch vụ kinh doanh, dịch vụ môi trường, dịch vụ bưu chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải biển. Điều này sẽ thúc đẩy dòng vốn FDI từ EU vào Việt Nam tăng trong thời gian tới.

Về chất lượng đầu tư, với Hiệp định EVFTA, đầu tư từ các đối tác có nguồn gốc từ các nước phát triển sẽ tăng do Việt Nam tăng cường mở cửa thị trường hàng hóa cũng như dịch vụ cho các doanh nghiệp EU. Điều này sẽ tạo ra những động lực mới cho dòng vốn FDI vào Việt Nam.

Cơ cấu lĩnh vực đầu tư cũng có thể thay đổi khi Việt Nam thu hút được các đối tác đầu tư mới và các lĩnh vực thu hút đầu tư được mở rộng. Với EVFTA, cơ cấu dòng vốn FDI vào những lĩnh vực đầu tư còn dư địa lớn tại Việt Nam và EU cũng có thể mạnh như năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

- Tác động đến ngân sách Nhà nước

Cắt giảm thuế quan theo Hiệp định EVFTA sẽ có tác động hai chiều đến nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN). Một là giảm thu NSNN do giảm thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu. Hai là, tăng thu NSNN do có thu thêm từ thu nội địa dưới tác động tích cực của thương mại, đầu tư và tăng trưởng kinh tế.

Theo đó, dự kiến tổng mức giảm thu NSNN từ giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo lộ trình của Hiệp định EVFTA là 2.537,3 tỷ đồng. Mặt khác, thu NSNN tăng lên do thu nội địa từ tác động tăng trưởng của EVFTA là 7.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2020-2030. Mức tăng sẽ tăng dần theo mức độ tác động của Hiệp định tới tăng trưởng. Như vậy lợi ích của Hiệp định EVFTA về thu ngân sách có thể sẽ được phát huy tốt hơn trong trung và dài hạn.

*(Theo Vụ Chính Sách Thương Mại Đa Biên)*

## Về tác động ngành

Theo Nguyễn Thành Công, Phạm Hồng Nhung (2017), các ngành Thủy sản, Dệt may, Da giày - túi xách... sẽ được cắt giảm thuế tới gần 90%, trong đó có những dòng thuế được xóa bỏ hoàn toàn. Thủy sản là một trong những ngành tiềm năng và chủ lực của Việt Nam sẽ được hưởng lợi nhiều nhất từ EVFTA. Mặt hàng thủy sản từ mức thuế vào khoảng 35% sẽ giảm về 0%. Đây sẽ là lợi thế



lớn cho ngành Thủy sản Việt Nam vươn lên phát triển và cạnh tranh với sản phẩm của các nước khác. EU cũng sẽ cho phép nhập khẩu có hạn ngạch một số sản phẩm nông nghiệp nhạy cảm của Việt Nam vào thị trường nội địa thông qua việc miễn thuế theo hạn ngạch (gạo, cá ngừ đóng hộp, cá viên, bắp ngọt, đường...). Các ngành hàng khác cũng được hưởng lợi từ hiệp định, tuy nhiên ảnh hưởng là không quá lớn.

## Về pháp luật, thể chế

Hiệp định EVFTA sẽ là cơ hội để ta tiếp tục cải cách thể chế - pháp luật theo hướng tiệm cận với chuẩn mực quốc tế, hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch và dễ dự đoán hơn, từ đó thúc đẩy cả đầu tư trong nước lẫn đầu tư nước ngoài cũng như các hoạt động kinh doanh khác, bao gồm các giao dịch xuyên quốc gia, các loại hình dịch vụ cung cấp qua biên giới...

Bên cạnh đó, những điều chỉnh, sửa đổi quy định pháp luật để phù hợp với Hiệp định EVFTA trong một số lĩnh vực như sở hữu trí tuệ cũng sẽ góp phần giúp các doanh nghiệp được hưởng sự bảo hộ cao hơn đối với thành quả đầu tư cho hoạt động sáng tạo. Đây là động lực để các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư nhiều hơn vào hoạt động sáng tạo nhằm đổi mới công nghệ và tạo môi trường tốt cho việc thu hút chuyển giao công nghệ của nước ngoài để nâng cao chất lượng sản phẩm của Việt Nam.

## Về lao động, việc làm, an sinh, xã hội

Theo nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp định EVFTA dự kiến giúp tăng thêm việc làm khoảng 146.000/năm, tập trung vào những ngành thâm dụng lao động và có tốc độ xuất khẩu cao sang thị trường EU. Mức tăng thêm việc làm trong một số ngành dự kiến như sau: dệt may tăng 71.300 (năm 2025) và 72.600 (năm 2030) mức tăng tương ứng so với năm 2018 là 1,2%, 2,3% và 2,4%; ngành da giày có tốc độ tăng việc làm là 4,3% và 3,8% vào các năm 2025 và 2030. Một số ngành khác cũng có số lượng việc làm tăng cao là vận tải hàng không (1,5% vào 2025), vận tải thủy (0,9% vào 2025). Tuy nhiên một số ngành sẽ chịu tác động giảm việc làm như ngành lâm nghiệp, khai khoáng, sản xuất lúa gạo với mức giảm từ 0,26 đến 0,36%/năm.

Hiệp định EVFTA không chỉ mang lại lợi ích về số lượng việc làm mà còn có khả năng làm tăng tiền lương của người lao động thông qua hoạt động của thị trường hiệu quả hơn và tác động lan tỏa về tiền lương từ các doanh nghiệp FDI. Theo tính toán, mức lương của các doanh nghiệp FDI sẽ cao hơn khoảng gần 1% so với doanh nghiệp trong nước.

Bên cạnh đó, do các nền kinh tế của các nước thành viên EU đều phát triển ở trình độ cao hơn Việt Nam và mang tính bổ sung đối với nền kinh tế Việt Nam, nhập khẩu từ các nước EU phần lớn là không cạnh tranh trực tiếp, nên với một lộ trình giảm thuế hợp lý, kết hợp với hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, ta có thể xử lý được các vấn đề xã hội nảy sinh do tham gia EVFTA. Đặc biệt, do Hiệp định EVFTA bao gồm cả các cam kết về bảo vệ môi trường nên tiến trình mở cửa, tự do hóa

thương mại và thu hút đầu tư sẽ được thực hiện theo cách thân thiện với môi trường hơn, giúp ta tăng trưởng bền vững hơn.

## Thách thức đến từ hiệp định

*Một là*, các DN Việt Nam sẽ đối mặt với không ít thách thức, rào cản kỹ thuật như an toàn thực phẩm vệ sinh dịch tễ, quy tắc xuất xứ... Những quy định về xuất xứ nội khối, tỷ lệ nội địa hóa sẽ đòi hỏi các DN phải đáp ứng tỷ lệ nguyên liệu phụ tùng cho các sản phẩm theo các quy tắc khắt khe. Điều này gây khó khăn cho DN Việt Nam vì nhiều nguyên liệu Việt Nam đang nhập từ Trung Quốc và các nước không thuộc các đối tác có FTA với Việt Nam. Các yêu cầu bắt buộc về vệ sinh an toàn thực phẩm, dán nhãn, môi trường... của EU rất khắt khe và không dễ đáp ứng.

*Hai là*, sức ép cạnh tranh từ hàng hóa và dịch vụ của EU: Mở cửa thị trường Việt Nam cho hàng hóa, dịch vụ từ EU, đồng nghĩa với việc DN Việt Nam sẽ phải nâng cao năng lực cạnh tranh ngay tại thị trường nội địa, bởi các DN châu Âu có lợi thế hơn hẳn các DN Việt Nam cả về năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm thị trường lẫn khả năng tận dụng các FTA. Trong khi đó, hàng hóa Việt Nam vẫn chưa được thị trường EU biết đến, hiệu quả công tác quảng bá và thúc đẩy các sản phẩm chưa cao.

*Ba là*, nguy cơ về các biện pháp phòng vệ thương mại: Khi rào cản thuế quan không còn là công cụ hữu hiệu để bảo vệ DN, các thị trường nhập khẩu thường có xu hướng sử dụng nhiều hơn các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất nội địa. EU là một trong những thị trường thường sử dụng các công cụ này nên DN Việt Nam có thể bị lúng túng về mặt pháp lý.

*Bốn là*, thách thức từ nguồn lao động: Do quá trình dịch chuyển sản xuất, các DN nước ngoài cũng tăng dần làn sóng đầu tư vào Việt Nam, cạnh tranh lao động giữa các ngành nghề cũng trở nên thiếu cục bộ. Trong đó, nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ trong các ngành sản xuất đòi hỏi kỹ thuật cũng trở nên thiếu ở mức báo động trong lĩnh vực sản xuất điện tử, viễn thông, công nghiệp xe hơi...

*(Theo ThS. Nguyễn Thị Minh Ngọc, Viện Hợp tác quốc tế - Đại học Thương mại)*

## VII. Những ngành nghề được hưởng lợi từ Hiệp định

### *Những ngành nghề được hưởng lợi nhiều nhất từ Hiệp định EVFTA và IPA*

**Ngành nông thủy sản:** Hiệp định EVFTA sẽ đem lại tiềm năng thị trường lớn cho xuất khẩu nông thủy sản Việt Nam. Dự kiến xuất khẩu mặt hàng này vào EU sẽ tăng với tốc độ trung bình 2%/năm trong giai đoạn 2020-2030. Tuy nhiên, ngành thủy sản cần khắc phục một số khó khăn trong cả ngắn và dài hạn: cần chủ động được nguồn nguyên liệu, con giống, chống đánh bắt cá bất hợp



pháp, giải quyết vấn đề hóa chất kháng sinh trong sản phẩm thủy sản và hàng rào phi thuế quan khá cao từ EU.

**Ngành dệt may:** Dự báo kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường EU sẽ tăng nhanh với mức khoảng 67% đến năm 2025 so với kịch bản không có Hiệp định. Về sản lượng, nhìn chung Hiệp định EVFTA có tác động tích cực tới sản lượng với tốc độ tăng 6% (với ngành dệt) và 14% (với ngành may) vào năm 2030.

**Ngành da giày:** Hiệp định khi có hiệu lực sẽ góp phần làm gia tăng đáng kể xuất khẩu giày da vào EU. Tốc độ tăng xuất khẩu vào EU dự báo sẽ gấp đôi vào 2025, và tổng xuất khẩu giày da cũng sẽ tăng khoảng 34%, sản lượng của toàn ngành tăng ở mức 31,8%.

### *Những ngành nghề có tiềm năng khác*

**Ngành điện tử, máy vi tính:** Theo biểu thuế hiện hành của EU thì thuế nhập khẩu đối với mặt hàng máy tính điện tử (máy vi tính), sản phẩm điện tử (hàng tiêu dùng cuối cùng) hầu hết có thuế suất bằng 0%, hoặc thuế suất dưới 10% nên khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực sẽ tác động không đáng kể tới xuất khẩu từ Việt Nam. Tuy vậy, Hiệp định EVFTA cũng là động lực để thu hút FDI từ EU và các nước khác vào Việt Nam trong bối cảnh công nghiệp phụ trợ trong nước chưa phát triển và chiến lược thu hút FDI của Việt Nam tập trung vào phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao.

**Ngành máy móc, phụ tùng:** Việt Nam là nước nhập khẩu lớn đối với mặt hàng máy móc thiết bị, trong khi đó EU là nước có thể mạnh về mặt hàng máy móc thiết bị và là thị trường nhập khẩu lớn thứ tư của Việt Nam đối với mặt hàng này. Do vậy, việc Việt Nam dỡ bỏ thuế nhập khẩu đối với mặt hàng máy móc thiết bị từ EU sẽ thúc đẩy tăng nhập khẩu, và có thể giảm ở các thị trường khác do tác động chuyển hướng thương mại. Do máy móc thiết bị của EU có công nghệ cao hơn một số thị trường truyền thống khác nên điều này có thể tạo cơ hội để Việt Nam cải thiện công nghệ sản xuất trong nước.

**Ngành dược phẩm:** Cam kết của Hiệp định EVFTA về thuế quan đối với dược phẩm có thể không tạo ra thay đổi gì lớn trong tương lai gần đối với việc xuất, nhập khẩu dược phẩm giữa Việt Nam và EU. Tuy nhiên, các cam kết liên quan tới dược phẩm ở các khía cạnh khác sẽ có tác động đáng kể tới thị trường và doanh nghiệp dược Việt Nam khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, theo hướng: (1) dược phẩm từ EU sẽ vào Việt Nam thuận lợi, dễ dàng và trực tiếp hơn; (2) mức độ bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với dược phẩm sẽ được tăng cường, khiến một số loại dược phẩm có thể chậm được giảm giá hơn; (3) cạnh tranh gay gắt hơn trong các gói thầu cung cấp thuốc cho các bệnh viện Việt Nam (trong nhóm đã cam kết mở cửa cho nhà thầu EU). Tác động này rõ rệt hơn với các loại biệt dược, thuốc chuyên dụng (nhóm thuốc có bảo hộ độc quyền, Việt Nam chưa sản xuất được). Đối với các sản phẩm thuốc thông thường, thuốc generic mà Việt Nam đã sản xuất được, các tác động không quá lớn.

**Ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm:** Hiệp định EVFTA mở ra cơ hội cho việc thúc đẩy tự do hóa ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm của Việt Nam. Tác động của mở cửa dịch vụ với nhóm ngành này là tích cực trên các góc độ cầu về dịch vụ, cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp từ EU. Đến năm 2025, xuất khẩu dịch vụ tài chính, bảo hiểm của Việt Nam sẽ tăng khoảng 21%, nhập khẩu sẽ tăng 9,65%. Tuy nhiên, áp lực cạnh tranh là rất lớn, đồng thời, áp lực ổn định vĩ mô cũng lớn hơn do mở cửa dịch vụ này làm cho Việt Nam dễ nhạy cảm hơn với các cú sốc từ bên ngoài.

**Ngành logistics:** Hiệp định EVFTA có thể ảnh hưởng đến triển vọng phát triển ngành logistics ở 2 góc độ: (1) cam kết mở cửa thị trường của Việt Nam và EU trong lĩnh vực vận tải và phục vụ vận tải; (2) cam kết trong các lĩnh vực ảnh hưởng đến dung lượng thị trường dịch vụ logistics trên các góc độ quy mô, chất lượng dịch vụ, nhu cầu mở rộng công suất, thực hiện dịch vụ.

## VII. Tổng hợp các doanh nghiệp đầu ngành của các ngành được hưởng lợi nhiều nhất từ Hiệp định EVFTA và IPA

### Ngành nông thủy sản

Mã CK	Số CP lưu hành bình quân (Triệu CP)	Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	BV (VND)	EPS (VND)	P/E (VND)	P/B (VND)	ROE (%)	Nợ/V CSH (Lần)	Khối lượng trung bình 3 tháng (Ngày GD: 15/6/2020) (CP)	Giá trị trung bình 3 tháng (Ngày GD: 15/6/2020) (Triệu VND)
HNG	1,032	16,850	8,547	-2,141	-7.1	1.8	-22.3%	1.5	1,456,238	19,925
VHC	183	6,177	27,631	5,611	6.1	1.2	21.3%	0.3	762,827	22,616
MPC	187	5,104	25,067	2,188	11.8	1.0	7.9%	0.6	138,807	3,467
HAG	927	4,544	13,263	159	30.8	0.4	0.9%	1.4	5,329,656	22,262
DBC	105	4,453	32,212	6,049	7.0	1.3	21.3%	1.9	2,834,283	94,416
GTN	249	4,171	10,157	-188	-89.2	1.7	-1.3%	0.1	1,857,978	29,502
ANV	127	4,110	10,478	994	13.8	1.3			2,770	45
VLC	63	2,444	20,163	2,638	7.4	1.0			455,702	6,876
ASM	259	2,257	19,110	4,303	4.1	0.9	24.2%	0.7	407,216	7,050
FMC	45	1,624	15,934	1,607	16.0	1.6	7.4%	0.2	69,617	1,584

# BÁO CÁO HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ IPA

VNCS Research Center



## Ngành dệt may

Mã CK	Số CP lưu hành bình quân (Triệu CP)	Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	BV (VND)	EPS (VND)	P/E (VND)	P/B (VND)	ROE (%)	Nợ/V CSH (Lần)	Khối lượng trung bình 3 tháng (Ngày GD: 15/6/2020) (CP)	Giá trị trung bình 3 tháng (Ngày GD: 15/6/2020) (Triệu VND)
VGT	500	4.008	12.609	795	10,09	0,64	5,06%	1,39	206.703	1.610
VGG	44	1.648	42.253	6.709	5,57	0,88	15,77%	1,50	13.437	533
MSH	50	1.620	24.470	8.555	3,79	1,32	33,28%	0,91	182.506	5.948
STK	68	1.125	16.648	3.144	5,25	0,99	20,32%	0,76	165.189	2.769
TCM	58	1.118	24.542	3.562	5,42	0,79	15,08%	1,01	833.612	13.667
PPH	75	1.008	21.554	3.040	4,44	0,63	14,28%	1,73	1.540	23
TNG	63	841	16.012	3.606	3,58	0,81	22,81%	2,28	1.490.168	19.037
GIL	26	648	29.367	6.735	2,67	0,61	21,29%	1,13	187.318	3.485
MNB	18	573	17.800	2.209	14,26	1,77	9,77%	5,95	11	
HUG	14	553	28.936	7.147	5,71	1,41	25,42%	0,57	541	28

## Ngành da giày

Mã CK	Số CP lưu hành bình quân (Triệu CP)	Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	BV (VND)	EPS (VND)	P/E (VND)	P/B (VND)	ROE (%)	Nợ/V CSH (Lần)	Khối lượng trung bình 3 tháng (Ngày GD: 15/6/2020) (CP)	Giá trị trung bình 3 tháng (Ngày GD: 15/6/2020) (Triệu VND)
A32	6,8	178,8	32.884	6.906	3,81	0,80			1.164	28
BATFOCO	0,0	0,0			0,00		0,00%	0,00		
HNSHOES	1,7	0,0		-628	0,00					
HUNEX	6,0	0,0		2.774	0,00					
SSF	3,2	12,4		-39	-103,05					
GTD	9,3	281,8	6.309	-1.421	-21,32	4,80			162	4
GTK	7,7	92,4			0,00		0,00%	0,00		
TLSHOES	0,0	0,0			0,00		0,00%	0,00		

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp)

## VIII. Kết luận

Như vậy, Hiệp định EVFTA và IPA khi được thực thi sẽ mang lại rất nhiều tác động tích cực đến nền kinh tế Việt Nam, đồng thời thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và EU. Việt Nam nói chung và các ngành nghề kinh tế nói riêng, đặc biệt là những ngành nghề được hưởng lợi nhiều nhất từ Hiệp định EVFTA và IPA cần kịp thời nắm bắt các cơ hội mà hai Hiệp định này mang lại nhằm thúc đẩy nhanh chóng sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

# BÁO CÁO HIỆP ĐỊNH EVFTA VÀ IPA

VNCS Research Center



**LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS:** [vncs.research@vn-cs.com](mailto:vncs.research@vn-cs.com)

**Người thực hiện:** Trần Vũ Phương Liên và Vũ Thùy Dương

Chuyên viên Phân tích

Email: [lientvp@vn-cs.com](mailto:lientvp@vn-cs.com) và [duongvt@vn-cs.com](mailto:duongvt@vn-cs.com)

## **TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS**

### **Đỗ Bảo Ngọc**

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: [ngocdb@vn-cs.com](mailto:ngocdb@vn-cs.com)

### **Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán**

#### **Lưu Chí Kháng**

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: [khanglec@vn-cs.com](mailto:khanglec@vn-cs.com)

#### **Dương Quang Minh**

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: [minhdq@vn-cs.com](mailto:minhdq@vn-cs.com)

### **Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp**

#### **Trần Vũ Phương Liên**

Chuyên viên phân tích

Email: [lientvp@vn-cs.com](mailto:lientvp@vn-cs.com)

#### **Đỗ Thị Hường**

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: [huongdt@vn-cs.com](mailto:huongdt@vn-cs.com)

#### **Vũ Thùy Dương**

Chuyên viên phân tích

Email: [duongvt@vn-cs.com](mailto:duongvt@vn-cs.com)

## **TRỤ SỞ VNCS**

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099      Webiste: [www.vn-cs.com](http://www.vn-cs.com)